

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2021/TCDS-ST

Ngày: 02-02-2021.

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Oanh và bà Hà Thị Thanh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST-TCDS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-TCDS ngày 05/01/2021 và thông báo mở lại phiên tòa số: 11/2021/TB-XX ngày 18/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Minh H

Địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

Đồng bị đơn: Bà Vũ Thị Hồng V – Vắng mặt.

Ông Trần Đăng T – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 4, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Minh H trình bày: Do có quan hệ anh, em trong gia đình nên ngày 09/01/2018, bà H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Yên Bái vay số tiền 500.000.000đ để cho em chồng là Trần Đăng T và vợ là Vũ Thị Hồng V vay lại để làm ăn, thời gian vay là ba năm, lãi trả theo lãi suất ngân hàng, trả gốc, lãi định kỳ theo hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bà H. Tuy nhiên bà V và ông T mới trả cho bà

H số tiền gốc là 160.000.000đ và lãi từ khi vay đến ngày 26/4/2020. Sau đó ông T bà V không thực hiện trả gốc và lãi nên ngày 18/8/2020 bà yêu cầu ông T, bà V viết giấy cam kết. Đến nay bà V và ông T không tiếp tục thực hiện như cam kết đã thỏa thuận. Do vậy bà Trần Minh H làm đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị Hồng V và ông Trần Đăng T phải trả cho bà H 340.000.000đ tiền gốc và số tiền lãi từ ngày 26/4/2020 tạm tính đến ngày 15/01/2021 là 32.900.000đ để bà H trả cho ngân hàng, từ ngày 15/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm bà không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Đăng T và bà Vũ Thị Hồng V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho ông T và bà V đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, còn bà V có lý do không đến Tòa án vì đang điều trị tại bệnh viện. Sau khi ra viện bà V đến nộp cho Tòa án Giấy ra viện nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia phiên hòa giải tiếp theo. Đến ngày 12/01/2021, bà Vũ Thị Hồng V có đơn trình bày; bà V và chồng bà là Trần Đăng T có vay của chị dâu là Trần Minh H 500.000.000 đồng, đến nay còn nợ 340.000.000 đồng; vì điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa có tiền trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản); bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường N, thành phố Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trần Đăng T và bà Vũ Thị Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà V.

[2] Về nội dung:

Theo giấy cam kết ngày 18/8/2020 do nguyên đơn bà Trần Minh H cung cấp, có chữ ký của bà Vũ Thị Hồng V và lời khai của nguyên đơn, đơn trình bày của bà Vũ Thị Hồng V, thể hiện giữa bà V, ông T có vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 09/01/2018 (do bà H thế chấp nhà đất vay Ngân hàng và cho bà V, ông T vay lại). Thỏa thuận lãi suất theo lãi suất Ngân hàng, thời hạn vay 03 năm và trả gốc và lãi định kỳ cho Ngân hàng, chậm nhất đến ngày 25/8/2020, còn lại đến 31/12/2020 trả nốt lấy bì đỏ cho bà H. Quá trình thực hiện, bà V, ông T đã trả được 160.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi đến 26 tháng

4 năm 2020. Đến nay còn nợ 340.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 26/4/2020 đến nay.

Như vậy, có căn cứ xác định giữa các bên có xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi.

Khi giao kết hợp đồng, các bên đều trên cơ sở tự nguyện, nội dung giao kết không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Đến nay bên vay là ông T bà V không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của bên vay là vi phạm hợp đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, cần buộc bị đơn bà V, ông T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc còn lại là 340.000.000 đồng.

Về khoản tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi là 32.900.000 đồng, tính từ ngày 26/4/2020 đến ngày 15/01/2021. Xét thấy từ ngày 26/4/2020, đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/02/2021), bị đơn chưa thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn và bị đơn không có ý kiến về tiền lãi; Mức tiền lãi bà H yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Số tiền lãi còn lại từ ngày 15/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 32.900.000 đồng.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Đăng T và bà Vũ Thị Hồng V phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền phải chịu là: $372.900.000đ \times 5\% = 18.645.000$ đồng (Mười tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Trần Minh H.

Buộc ông Trần Đăng T và bà Vũ Thị Hồng V phải trả cho bà Trần Minh H số tiền nợ gốc là 340.000.000 đồng, lãi là 32.900.000 đồng. Tổng cộng là 372.900.000 đồng (Ba trăm bảy mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Minh H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trần Đăng T và bà Vũ Thị Hồng V chưa thanh toán xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đăng T và bà Vũ Thị Hồng V phải nộp 18.645.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Minh H không phải chịu án phí, Hoàn trả cho bà Trần Minh H số tiền 9.031.000 đồng (Chín triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006572 ngày 08/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tp Yên Bái;
- Chi cục THADS tp Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bùi Quang Trung